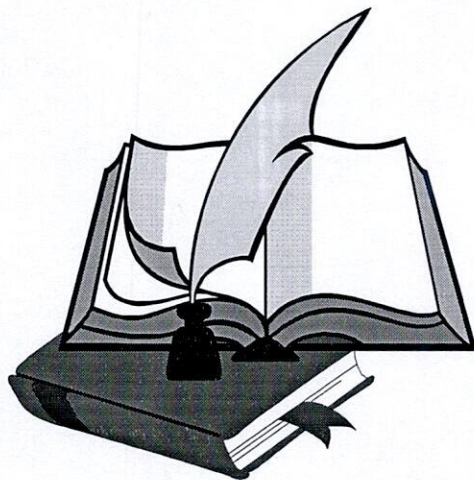


PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS BÌNH KHÊ



QUY CHẾ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2024

Tháng 01/2024

Số: 04/QĐ-THCSBK

Bình Khê, ngày 04 tháng 01 tháng 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước của
Trường THCS Bình Khê thị xã Đông Triều**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS BÌNH KHÊ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (Đợt 1) cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 17/04/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Điều chỉnh, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (đợt 1)

Căn cứ Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của ngành Giáo dục và Đào tạo (lần 2) năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp có thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21/06/2021 về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Quyết định của UBND thị xã Đông Triều: Số 06.a/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của UBND thị xã Đông Triều về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của UBND thị xã Đông Triều.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Trường THCS Bình Khê;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 32/QĐ-THCSBK ngày 12/01/2023 của Trường THCS Bình Khê ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công Trường THCS Bình Khê.

Điều 3. Lãnh đạo trường, kế toán, cán bộ, công chức, người lao động (sau đây gọi tắt là cán bộ, công chức) trong cơ quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh

QUY CHẾ

Về việc quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước của Trường THCS Bình Khê

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-THCS Bình Khê ngày 08/01/2024 của Trường THCS Bình Khê)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Mục đích:

- Thực hiện thống nhất quản lý về tài sản của cơ quan Phòng Tài chính - Kế hoạch đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Đảm bảo tài sản công được quản lý sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích, đối tượng và hiệu quả.

- Thực hiện quyền chủ động, đồng thời gắn trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ.

2. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

- Quy chế này bao gồm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công để áp dụng thống nhất trong toàn cơ quan trên nguyên tắc dân chủ công bằng, công khai.

- Lãnh đạo cơ quan và toàn thể cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan có trách nhiệm thực hiện và áp dụng quy chế này.

- Nguồn kinh phí quy định trong quy chế này là kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ hàng năm của Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài sản

- Không vượt quá tiêu chuẩn, định mức quy định.

- Phù hợp với hoạt động của Phòng.

- Đảm bảo cán bộ, công chức, người lao động hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Phải được thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị.

- Sau khi ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được công khai tại đơn vị theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Căn cứ xây dựng Quy chế

- Hệ thống tiêu chuẩn, định mức quản lý sử dụng tài sản công do cơ quan người có thẩm quyền quy định;

- Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, của cơ quan,

- Thực trạng và yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan

- Nội dung của Quy chế (theo khoản 3, Điều 7, Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính).

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công

- Tất cả các loại tài sản công của cơ quan đều được giao cho một bộ phận hoặc cá nhân quản lý, sử dụng. Có hệ thống sổ sách theo dõi chặt chẽ; định kỳ tổ chức kiểm kê, đánh giá tài sản theo quy định của pháp luật.

- Cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công phải chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan và trước pháp luật nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng, chiếm dụng hoặc sử dụng trái phép. Mọi hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

- Việc triển khai nguồn lực tài chính từ tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng.

Điều 5. Tiêu chuẩn, phân loại tài sản

1. Những tài sản thuộc diện quản lý trong quy định này bao gồm: Tài sản cố định (TSCĐ): TSCĐ hữu hình và tài sản cố định vô hình.

2. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình là tài sản mang hình thái vật chất, có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, thoả mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn dưới đây:

- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;

- Có nguyên giá từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) trở lên.

3. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình là tài sản không mang hình thái vật chất cụ thể mà cơ quan đơn vị phải đầu tư chi phí cho việc tạo lập như: Giá trị quyền sử dụng đất, bằng phát minh sáng chế, phần mềm máy vi tính, kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả..., thoả mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 điều này.

Điều 6. Đối tượng ghi sổ kế toán TSCĐ

1. Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

2. Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

3. Một hệ thống gồm có nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ, liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và có chức năng hoạt động độc lập, đồng thời có sự đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC

Điều 7. Đối tượng sử dụng diện tích làm việc

Cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Đông Triều.

Điều 8: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc

Thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc.

Điều 9: Bố trí sắp xếp nơi làm việc

Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc và chức năng, nhiệm vụ, số lượng cán bộ, công chức, người lao động của Phòng để bố trí, sắp xếp nơi làm việc phù hợp.

Điều 10: Yêu cầu về sử dụng trụ sở làm việc

1. Khu vực sử dụng chung bao gồm: phòng họp, hành lang, cầu thang bộ, khu vệ sinh chung, hệ thống điện, thông tin liên lạc, đường truyền mạng. Xác định đây là những khu vực mà cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan có quyền bình đẳng trong việc sử dụng và có nghĩa vụ chấp hành nội quy, quy định về quản lý và sử dụng tài sản dùng chung.

2. Khu vực sử dụng riêng của các tổ chuyên môn, các bộ phận trong cơ quan bao gồm: Phòng làm việc, đèn chiếu sáng từng phòng làm việc, điện thoại cố định... giao cho từng tổ chuyên môn, bộ phận trực tiếp quản lý, sử dụng.

- Các phòng phải được bố trí hợp lý, gọn gàng, thuận lợi cho cán bộ, công chức, người lao động trong phòng làm việc và đảm bảo các điều kiện làm việc.

.- Cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại các phòng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy cơ quan; thực hiện nghiêm túc việc phân công thường xuyên vệ sinh cơ quan. Hết giờ làm việc tắt hết máy móc, thiết bị điện, đóng các cửa trước khi ra về để bảo vệ tài sản cơ quan.

Điều 11: Duy tu, sửa chữa thường xuyên trụ sở làm việc

- Các bộ phận, cá nhân trong cơ quan có trách nhiệm thông báo kịp thời về tình trạng hư hỏng với bộ phận Kế toán – Hành chính để tham mưu lãnh đạo phòng có phương án sửa chữa tài sản. Không tự ý hoặc gọi người ngoài cơ quan vào thực hiện sửa chữa khi chưa có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo phòng,

- Không chỉ đạo làm sai lệch thiết kế, hiện trạng trong quá trình bảo dưỡng, duy tu sửa chữa trụ sở cơ quan.

Mục 2

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG

Điều 12: Tiêu chuẩn, định mức trang bị máy móc, thiết bị văn phòng

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị; Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định danh mục mua sắm tập trung;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, khả năng của ngân sách nhà nước cấp cho đơn vị để xây dựng tiêu chuẩn, định mức trang bị máy móc, thiết bị văn phòng.

Điều 13: Trang bị, mua sắm máy móc, thiết bị văn phòng

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí chi thường xuyên theo định mức biên chế được giao, nguồn ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

Việc trang bị máy móc, thiết bị phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và nguồn kinh phí được phép sử dụng, đúng đối tượng, phục vụ hiệu quả cho công việc.

1. Lập kế hoạch trang bị máy móc, thiết bị

- Vào quý III hàng năm, bộ phận Kế toán - Hành chính lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị, máy móc cho năm tiếp theo; dự kiến thời gian thực hiện kế hoạch trong năm; đảm bảo thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức quy định.

- Phát sinh trong năm: Theo nhu cầu thực tế của các tổ chuyên môn nhưng phải phù hợp với nguồn kinh phí được giao trong năm.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị.

Thực hiện mua sắm, trang bị tài sản đúng tiêu chuẩn, định mức, có trong dự toán; tuân thủ phương thức, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định; sau khi mua sắm thực hiện công khai theo quy định.

Điều 14: Tiếp nhận máy móc, thiết bị

1. Các trường hợp tiếp nhận máy móc, thiết bị.

- Máy móc, thiết bị hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước cấp.

- Máy móc, thiết bị do tổ chức, cá nhân tài trợ, cho, tặng.

- Máy móc thiết bị được điều chuyển từ các đơn vị khác về sử dụng tại phòng Tài chính – Kế hoạch.

- Bộ phận Kế toán – Hành chính của phòng chịu trách nhiệm chủ trì, tham mưu cho lãnh đạo phòng thực hiện các quy trình tiếp nhận tài sản, máy móc, thiết bị.

2. Việc bàn giao máy móc, thiết bị đã hết thời hạn sử dụng, bị hư hỏng không sử dụng được; không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức quy định cho đơn vị.

Điều 15: Quản lý sử dụng tài sản công

1. Nguyên tắc quản lý sử dụng tài sản công

Tất cả các tài sản, máy móc, thiết bị do phòng quản lý, sử dụng phải được theo dõi qua sổ sách kế toán theo đúng quy định, không di chuyển tài sản ra ngoài cơ quan khi chưa được sự cho phép của Thủ trưởng đơn vị; không sử dụng tài sản của đơn vị vào việc cá nhân.

2. Đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản

Tài sản thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý sử dụng tài sản gồm: Quyền sử dụng đất cơ quan.

3. Mở sổ theo dõi tài sản

- Các biểu mẫu áp dụng theo Thông tư 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp bao gồm: Sổ tài sản cố định theo mẫu S24-H; Thẻ tài sản cố định theo mẫu S25-H; Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng theo mẫu S26-H; Biên bản đánh giá lại tài sản cố định theo mẫu C52-HD; Biên bản kiểm kê tài sản cố định theo mẫu C53-HD; Biên bản giao nhận tài sản sau khi nâng cấp theo mẫu C54-HD; Bảng tính hao mòn tài sản cố định theo mẫu C55-HD.

- Các mẫu biểu áp dụng theo Thông tư 144/2017/TT-BTC, ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính gồm: Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng tài sản theo mẫu 08a-ĐK/TSC, mẫu 08b-ĐK/TSC.

Điều 16. Hạch toán tài sản công

Tài sản công phải được đơn vị hạch toán kịp thời, đầy đủ thông số quy cách giá trị và tính hao mòn, khấu hao hàng năm theo đúng quy định.

Điều 17. Kiểm kê, báo cáo tài sản công

1. Kiểm kê: Việc kiểm kê tài sản công phải được thực hiện theo đúng quy định hoặc kiểm kê đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo, cơ quan có thẩm quyền.

- Thành phần kiểm kê bao gồm: Thủ trưởng đơn vị, kế toán, đại diện các bộ phận sử dụng trực tiếp tài sản, thiết bị, công cụ dụng cụ.

- Bộ phận Kế toán - Hành chính tham mưu thông báo kế hoạch kiểm kê trang thiết bị đến các bộ phận ít nhất 10 ngày trước khi tiến hành kiểm kê.

- Các Tổ chuyên môn, các bộ phận có trách nhiệm tạo điều kiện cho việc kiểm kê được thực hiện theo đúng kế hoạch.

2. Báo cáo tài sản công

Đơn vị thực hiện báo cáo đối với tài sản công được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và quy định tại Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

3. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công

- Hàng năm, đơn vị thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước đối với các tài sản quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thời hạn báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm: Đơn vị lập báo cáo trước ngày 30/01 hàng năm. Thực hiện việc nộp báo cáo theo đúng quy định.

Điều 18: Bảo dưỡng, duy tu sửa chữa tài sản công

1. Các bộ phận và cá nhân khi phát hiện tài sản công bị hư hỏng có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo phòng xem xét, quyết định sửa chữa tài sản.

2. Bộ phận Kế toán - Hành chính cơ quan tham mưu cho Lãnh đạo phòng thực hiện các quy trình bảo dưỡng, duy tu sửa chữa tài sản theo đúng thẩm quyền đúng quy định.

Điều 19: Thu hồi tài sản công trong đơn vị

- Các trường hợp thu hồi tài sản công: Sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng; Nghi hưu, chuyển đơn vị công tác.

- Trình tự, thủ tục và thẩm quyền thu hồi tài sản công được quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 20. Điều chuyển tài sản công

1. Các trường hợp điều chuyển tài sản công

- Từ nơi thừa sang nơi thiếu theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

- Việc điều chuyển tài sản sẽ mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn.

- Khi không có nhu cầu sử dụng

- Tài sản được cơ quan giao cho từng bộ phận trực tiếp quản lý, sử dụng. Khi điều chuyển giữa các bộ phận phải được sự đồng ý của Lãnh đạo phòng.

2. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chuyển được quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

3. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản quy định tại Điều 28 Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp có thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 21. Thanh lý tài sản công

1. Tài sản công được thanh lý trong các trường hợp:

- Tài sản hết hạn sử dụng và không còn sử dụng được.
- Tài sản chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa hoặc sửa chữa không còn hiệu quả.
- Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trình tự, thủ tục thanh lý thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Thẩm quyền quyết định thanh lý các tài sản cơ quan khi bị hư hỏng hoặc hết thời gian sử dụng, không còn sử dụng được quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp có thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Sau khi có chủ trương thanh lý tài sản, cơ quan thành lập Hội đồng thanh lý, thành phần Hội đồng theo quy định tại Điều 18 của Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 22. Bán tài sản công tại đơn vị

1. Tài sản công được bán trong các trường hợp sau đây:
 - Tài sản công bị thu hồi được xử lý theo hình thức bán.
 - Khi không có nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi về tổ chức, thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nguyên nhân mà phải thu hồi hoặc điều chuyển.
 - Thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản công.
 - Tài sản công được thanh lý theo hình thức bán đấu giá.
2. Trình tự, thủ tục bán tài sản công: Thực hiện theo Điều 23 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.
3. Thẩm quyền quyết định bán tài sản: Điều 9 Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp có thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 23: Kê khai, công khai việc quản lý, sử dụng tài sản công

1. Tài sản kê khai, công khai quản lý, sử dụng gồm: Trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, tài sản cố định khác.
2. Phòng Tài chính – KH thị xã được giao quản lý sử dụng tài sản công thực hiện công khai việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản thông qua các hình thức sau: Công khai trong các cuộc họp cơ quan hoặc công khai bằng văn bản tại trụ sở cơ quan.

Mục 3

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN KHÁC

Điều 24. Quản lý và sử dụng các tài sản làm việc

1. Các bộ phận và cá nhân sử dụng tài sản phải chịu trách nhiệm theo dõi quản lý, sử dụng tài sản công của bộ phận mình.

2. Cán bộ, công chức, người lao động được giao quản lý, sử dụng các tài sản làm việc có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn đảm bảo sử dụng tài sản lâu bền, tiết kiệm, có hiệu quả và đúng mục đích.

Điều 25. Quản lý và sử dụng thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm quản lý trong lĩnh vực tài chính

1. Cán bộ, công chức, người lao động cơ quan khai thác đường truyền mạng đúng quy định, đảm bảo việc sử dụng trao đổi thông tin thuận tiện, nhanh chóng. Không được sử dụng máy vi tính kết nối mạng để đánh máy, in, sao lưu văn bản thuộc tài liệu mật được quy định tại Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Nghiêm cấm sử dụng thiết bị tin học vào việc riêng.

2. Quản lý và sửa chữa các thiết bị tin học bị hư hỏng; nâng cấp, bảo trì các phần mềm hỗ trợ quản lý công tác Tài chính, tài sản như sau: Các bộ phận thông báo cho bộ phận Kế toán - Hành chính, sau đó đề xuất, tham mưu Lãnh đạo phòng quyết định sửa chữa.

Điều 26. Quản lý và sử dụng điện thoại

Các bộ phận được trang bị 01 máy điện thoại cố định để tiện trong quá trình trao đổi, giao dịch, liên hệ công việc. Tùy theo nhu cầu và tính chất công việc mà cán bộ, công chức, người lao động nâng cao trách nhiệm, ý thức tiết kiệm trong hoạt động thực hiện nhiệm vụ được giao. Chỉ sử dụng điện thoại giao dịch việc cơ quan, cá nhân phụ trách điện thoại không sử dụng điện thoại của cơ quan vào việc cá nhân.

Điều 27. Quản lý và sử dụng điện

1. Cán bộ, công chức, người lao động nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng điện.

- Không tự ý đầu nối làm thay đổi thiết kế của hệ thống điện cơ quan, không tự ý sửa chữa, kịp thời báo cáo Lãnh đạo phòng có phương án sửa chữa khi bị hỏng hóc.

- Tắt các thiết bị điện khi không có nhu cầu sử dụng. Người cuối cùng ra khỏi phòng làm việc phải tắt đèn chiếu sáng và các thiết bị điện trong phòng.

2. Các bộ phận, cá nhân được giao quản lý tài sản thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện nhằm hạn chế các trường hợp cháy chập, nổ các thiết bị ảnh hưởng đến hệ thống điện cơ quan.

3. Nghiêm cấm sử dụng các thiết bị điện vào việc riêng.

Mục 4

QUY ĐỊNH VỀ TÍNH HAO MÒN, KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Điều 28. Nguyên tắc, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định

- Nguyên tắc tính hao mòn tài sản cố định: Việc tính hao mòn tài sản cố định thực hiện mỗi năm 01 lần vào tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán. Phạm vi tài sản cố định phải tính hao mòn là tất cả tài sản cố định hiện có quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tính hao mòn.

- Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 29. Phương pháp tính hao mòn tài sản cố định

1. Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản cố định được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{năm}} \times \text{Tỷ lệ tính hao mòn (\% năm)}$$

Hàng năm, trên cơ sở xác định số hao mòn tăng và số hao mòn giảm phát sinh trong năm Kế toán – Hành chính tính tổng số hao mòn của tất cả tài sản cố định cho năm đó theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số hao mòn tài sản cố định lũy} \\ \text{kế tính đến năm} \\ \text{(n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số hao mòn tài sản cố định đã} \\ \text{tính đến năm (n-1)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số hao mòn tài sản cố định tăng} \\ \text{trong năm (n)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn tài sản cố định giảm} \\ \text{trong năm (n)} \end{array}$$

2. Đối với những tài sản cố định có thay đổi về nguyên giá thì Kế toán – Hành chính căn cứ các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định sau khi xác định lại theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính để tiếp tục tính hao mòn tài sản cố định cho các năm còn lại.

3. Số hao mòn tài sản cố định cho năm cuối cùng thuộc thời gian sử dụng của tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn lũy kế đã thực hiện của tài sản cố định đó.

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

Điều 30. Xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản công

Cán bộ, công chức, người lao động vi phạm quy chế này, tùy thuộc vào mức độ cụ thể sẽ bị xử lý theo quy định tại Luật Lao động và Luật cán bộ công chức và các quy định về quản lý và sử dụng tài sản công.

Điều 31. Xử lý trách nhiệm vật chất

1. Hình thức xử lý trách nhiệm vật chất: Bồi thường và đền bù chi phí khắc phục hậu quả do hành vi gây ra.

2. Cán bộ, công chức, người lao động gây thiệt hại về tài sản công, cố ý hay không cố ý, đều có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo chỉ đạo của Lãnh đạo phòng.

Điều 32. Thẩm quyền quyết định xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản công và xử lý trách nhiệm về vật chất

Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Quyết định hình thức xử lý vi phạm về quản lý và sử dụng tài sản công và hình thức xử lý trách nhiệm vật chất đối với đối tượng bị xử lý là bộ phận hoặc cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 33. Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất

1. Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất vi phạm vi quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm: Thủ trưởng đơn vị; Đại diện ban Thanh tra nhân dân; Đại diện các bộ phận liên quan; Các cá nhân khác (nếu có).

2. Trách nhiệm của Hội đồng: Xem xét, đánh giá tính chất, hành vi gây thiệt hại; xác định trách nhiệm của người gây thiệt hại và tập thể, cá nhân có liên quan; kiến nghị với người có thẩm quyền về mức độ và phương thức bồi thường thiệt hại.

Điều 34. Trình tự, thủ tục xử lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

Thông báo vi phạm; Lập biên bản vi phạm; Yêu cầu các bộ phận, cá nhân gây thiệt hại

Trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm vật chất đối với các cán bộ công chức, người lao động trong cơ quan vi phạm

1. Trình tự: Chủ tịch Hội đồng yêu cầu người bị phạm làm bản tường trình Lập biên bản vi phạm; Xác định giá trị tài sản bị thiệt hại.

2. Thủ tục; Thủ trưởng đơn vị thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất; Hội đồng xem xét, có văn bản kiến nghị mức bồi thường và phương thức bồi thường gửi Trưởng phòng; Quyết định bồi thường thiệt hại; Thực thi quyết định bồi thường thiệt hại.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Tổ chức thực hiện:

- Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm phổ biến và triển khai tổ chức thực hiện tới toàn thể cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan nội dung Quy chế.

- Bộ phận Kế toán - Hành chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện, tham mưu kiểm tra định kỳ hàng năm, kiểm tra đột xuất việc thực hiện Quy chế này. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Quy chế báo cáo Thủ trưởng đơn vị; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của các bộ phận cơ quan.

Điều 37. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Những nội dung khác về quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước không nêu tại quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các Tổ chuyên môn phản ánh về bộ phận Kế toán - Hành chính của Phòng để tham mưu Lãnh đạo phòng xem xét, giải quyết, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

Số:04/QĐ-THCSBK

Bình Khê, ngày 08 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS BÌNH KHÊ

Căn cứ luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144 /2017/TT-BTC ngày 29 /12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ công văn số 3839/UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Ủy Ban nhân dân Thị Xã Đông Triều về việc công khai tài sản công, tài chính ngân sách theo quy định của pháp luật;

Xét đề nghị của bộ phận cơ sở vật chất nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 của trường THCS Bình Khê (Có quy chế chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh

Số:07/TB-THCSBK

Bình Khê, ngày 08 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công khai Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2024
tại trường THCS Bình Khê

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS BÌNH KHÊ

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Quyết định 50/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị; Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô;

Căn cứ Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (Đợt 1) cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 17/04/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Điều chỉnh, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (đợt 1)

Căn cứ Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Quảng nInh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của ngành Giáo dục và Đào tạo (lần 2) năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp có thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21/06/2021 về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;



Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 06.a/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của UBND thị xã Đông Triều về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của UBND thị xã Đông Triều.

. Xét đề nghị của bộ phận Kế toán nhà trường,

Trường THCS Bình Khê thông báo công khai Quy chế quản lý tài sản công năm 2024:

- Hình thức công khai: Tổ chức dán niêm yết công khai quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 tại bảng tin của trường (Chi tiết có quy chế kèm theo).

Trường THCS Bình Khê thông báo để Ban giám hiệu nhà trường, cán bộ, công nhân viên chức, hợp đồng trong nhà trường biết./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh



BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Tổ chức niêm yết công khai Quy chế quản lý, sử dụng
tài sản công năm 2024

Thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144 /2017/TT-BTC ngày 29 /12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công. Trường THCS Bình Khê thực hiện niêm yết công khai quy chế quản lý sử dụng tài sản công năm 2023;

Hôm nay, lúc 8h30 phút ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trường THCS Bình Khê tổ chức niêm yết công khai quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024, chi tiết như sau:

I. Thành phần:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Hiệu trưởng;
2. Ông Trịnh Quang Hưng - Phó Hiệu trưởng- CTCD
3. Bà Nguyễn Thị Thủy - Trưởng ban thanh tra nhân dân;
4. Bà Nguyễn Thị Lam – Tổ trưởng tổ văn phòng
5. Bà Bùi Thị Thu Tâm – Thư ký hội đồng
6. Bà Nguyễn Thị Đức- Nhân viên kế toán
7. Bà Nguyễn Thị Thủy – Nhân viên Thiết bị, thư viện
8. Ông Tạ Minh Trường - Tổ trưởng tổ bảo vệ;

II. Nội dung:

Cùng nhau tổ chức thực hiện công khai quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024, cụ thể như sau:

1. Hình thức công khai: Tổ chức dán niêm yết công khai quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 tại bảng tin của trường (Chi tiết có phụ biểu kèm theo).

2. Thời gian công khai và kết thúc: Từ ngày 08/01/2024 kết thúc ngày 08/02/2024 (trong vòng 30 ngày liên tục).

3. Nội dung công khai: Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024.

III. Tổ chức thực hiện:



Hết 30 ngày kể từ ngày hôm nay, trong trường hợp có ý kiến cần giải trình, làm rõ hoặc có ý kiến khác về các nội dung công khai thì Ban thanh tra nhân dân, Công đoàn trường, Tổ văn phòng sẽ lập biên bản ghi nhận sự việc và báo cáo Thủ trưởng đơn vị giải quyết nếu không có ý kiến gì về các nội dung công khai việc công khai được hoàn tất.

Biên bản được thông qua cho các thành viên cùng nghe và nhất trí 100%. Biên bản được lập tại trường THCS Bình Khê, các thành viên thực hiện không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



Bùi Thị Thu Tâm



Nguyễn Thị Lan Anh

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Quang Hưng

TRƯỞNG BAN TTND



Nguyễn Thị Thủy

TỔ TRƯỞNG VP



Nguyễn Thị Lam

NHÂN VIÊN BẢO VỆ



Tạ Minh Trường

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Đức

NHÂN VIÊN TBTV



Nguyễn Thị Thủy



Bình Khê, ngày 8 tháng 02 năm 2024

BIÊN BẢN KẾT THÚC NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Tổ chức kết thúc niêm yết công khai Quy chế quản lý, sử dụng
tài sản công năm 2024

Hôm nay, lúc 8h30 phút ngày 8 tháng 02 năm 2024 tại trường THCS Bình Khê tổ chức kết thúc niêm yết công khai quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024, chi tiết như sau:

I. Thành phần:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Hiệu trưởng;
2. Ông Trịnh Quang Hưng - Phó Hiệu trưởng- CTCD
3. Bà Nguyễn Thị Thủy - Trưởng ban thanh tra nhân dân;
4. Bà Nguyễn Thị Lam – Tổ trưởng tổ văn phòng
5. Bà Bùi Thị Thu Tâm – Thư ký hội đồng
6. Bà Nguyễn Thị Đức- Nhân viên kế toán
7. Bà Nguyễn Thị Thủy – Nhân viên Thiết bị, thư viện
8. Ông Tạ Minh Trường - Tổ trưởng tổ bảo vệ;

II. Nội dung:

Căn cứ Quyết định số:05/QĐ-THCSBK ngày 08 tháng 01 năm 2024 của trường THCS Bình Khê về việc công khai quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024.

Thời gian niêm yết, kết thúc: Từ ngày 08/01/2024 kết thúc ngày 08/02/2024 (trong vòng 30 ngày liên tục).

Đến nay đã hết thời gian công khai quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024. Trong quá trình công khai không có ý kiến và kiến nghị thắc mắc gì.

Nay chúng tôi lập biên bản kết thúc công khai, để kết thúc việc công khai quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024.

Biên bản kết thúc lúc 11 giờ 0 phút cùng ngày, được thông qua cho các thành viên tham gia cùng nghe và thông nhất nội dung biên bản.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



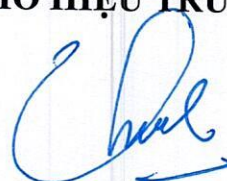
Bùi Thị Thu Tâm

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Quang Hưng



TRƯỞNG BAN TTND



Nguyễn Thị Thủy

TỔ TRƯỞNG VP



Nguyễn Thị Lam

NHÂN VIÊN BẢO VỆ



Tạ Minh Trường

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Đức

NHÂN VIÊN TBT



Nguyễn Thị Thủy



Số: /TB-THCSBK

Bình Khê, ngày 08 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO

Tổ chức kết thúc niêm yết công khai Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024

Căn cứ luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 /12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của nghị định 151 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ biên bản kết thúc công khai ngày 8/02/2024 của Trường THCS Bình Khê tổ chức kết thúc niêm yết công khai Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024.

Trường THCS Bình Khê tiến hành họp niêm yết công khai và kết thúc niêm yết công khai Quyết định số 05/QĐ-THCSBK ngày 8/01/2024 Về việc công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2024;

- Hình thức công khai: Tổ chức dán niêm yết công khai Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 tại bảng tin của trường (Chi tiết có phụ biểu kèm theo).

- Thời gian niêm yết, kết thúc: Từ ngày 8/01/2024 kết thúc ngày 8/02/2024 (trong vòng 30 ngày liên tục).

Trên đây là Thông báo niêm yết công khai và kết thúc niêm yết công khai quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 của trường THCS Bình Khê./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu; VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh

Số:09/QĐ-THCSBK

Bình Khê, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS BÌNH KHÊ

Căn cứ luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144 /2017/TT-BTC ngày 29 /12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ công văn số 3839/UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Ủy Ban nhân dân Thị Xã Đông Triều về việc công khai tài sản công, tài chính ngân sách theo quy định của pháp luật;

Xét đề nghị của bộ phận cơ sở vật chất nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 của trường THCS Bình Khê (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh

Số:18/TB-THCSBK

Bình Khê, ngày 12 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2023
tại trường THCS Bình Khê

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS BÌNH KHÊ

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Quyết định 50/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị; Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô;

Căn cứ Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (Đợt 1) cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 17/04/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Điều chỉnh, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (đợt 1)

Căn cứ Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Quảng nính về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của ngành Giáo dục và Đào tạo (lần 2) năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp có thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21/06/2021 về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;



Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 06.a/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của UBND thị xã Đông Triều về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của UBND thị xã Đông Triều.

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán nhà trường,

Trường THCS Bình Khê thông báo công khai tình hình sử dụng, quản lý tài sản công năm 2023 của trường THCS Bình Khê;

- Hình thức công khai: Tổ chức dán niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 tại bảng tin của trường, trang thông tin điện tử, tại Hội đồng giáo dục, cuộc họp CB, GV, NV;

Trường THCS Bình Khê thông báo để Ban giám hiệu nhà trường, cán bộ, công nhân viên chức, hợp đồng trong nhà trường biết./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh



Bình Khê, ngày 12 tháng 01 năm 2024

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Tổ chức niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng
tài sản công năm 2023

Thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144 /2017/TT-BTC ngày 29 /12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công. Trường THCS Bình Khê thực hiện niêm yết công khai tình hình quản lý sử dụng tài sản công năm 2023;

Hôm nay, lúc 8h30 phút ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trường THCS Bình Khê tổ chức niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023, chi tiết như sau:

I. Thành phần:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Hiệu trưởng;
2. Ông Trịnh Quang Hưng - Phó Hiệu trưởng- CTCD
3. Bà Nguyễn Thị Thủy - Trưởng ban thanh tra nhân dân;
4. Bà Nguyễn Thị Lam – Tổ trưởng tổ văn phòng
5. Bà Bùi Thị Thu Tâm – Thư ký hội đồng
6. Bà Nguyễn Thị Đức- Nhân viên kế toán
7. Bà Nguyễn Thị Thủy – Nhân viên Thiết bị, thư viện
8. Ông Tạ Minh Trường - Tổ trưởng tổ bảo vệ;

II. Nội dung:

Cùng nhau tổ chức thực hiện công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023, cụ thể như sau:

1 Hình thức công khai: Tổ chức dán niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 tại bảng tin của trường, trang thông tin điện tử, tại Hội đồng giáo dục, cuộc họp CB,GV, NV;

2. Thời gian công khai và kết thúc: Từ ngày 11/01/2024 kết thúc ngày 11/02/2024 (trong vòng 30 ngày liên tục).

3. Nội dung công khai: Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023



III. Tổ chức thực hiện:

Hết 30 ngày kể từ ngày hôm nay, trong trường hợp có ý kiến cần giải trình, làm rõ hoặc có ý kiến khác về các nội dung công khai thì Ban thanh tra nhân dân, Công đoàn trường, Tổ văn phòng sẽ lập biên bản ghi nhận sự việc và báo cáo Thủ trưởng đơn vị giải quyết nếu không có ý kiến gì về các nội dung công khai việc công khai được hoàn tất.

· Biên bản được thông qua cho các thành viên cùng nghe và nhất trí 100%. Biên bản được lập tại trường THCS Bình Khê, các thành viên thực hiện không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



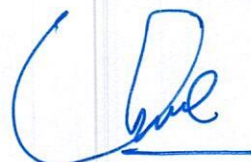
Bùi Thị Thu Tâm

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Quang Hưng

TRƯỞNG BAN TTND



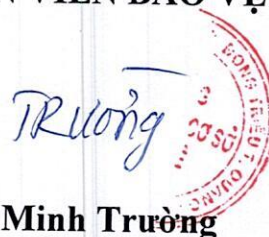
Nguyễn Thị Thủy

TỔ TRƯỞNG VP



Nguyễn Thị Lam

NHÂN VIÊN BẢO VỆ



Tạ Minh Trường

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Đức

NHÂN VIÊN TBTV



Nguyễn Thị Thủy

Bình Khê, ngày 11 tháng 02 năm 2024

BIÊN BẢN KẾT THÚC NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Tổ chức kết thúc niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng
tài sản công năm 2023

Hôm nay, lúc 8h30 phút ngày 11 tháng 02 năm 2024 tại trường THCS Bình Khê tổ chức kết thúc niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023, chi tiết như sau:

I. Thành phần:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Hiệu trưởng;
2. Ông Trịnh Quang Hưng - Phó Hiệu trưởng- CTCD
3. Bà Nguyễn Thị Thủy - Trưởng ban thanh tra nhân dân;
4. Bà Nguyễn Thị Lam – Tổ trưởng tổ văn phòng
5. Bà Bùi Thị Thu Tâm – Thư ký hội đồng
6. Bà Nguyễn Thị Đức- Nhân viên kế toán
7. Bà Nguyễn Thị Thủy – Nhân viên Thiết bị, thư viện
8. Ông Tạ Minh Trường - Tổ trưởng tổ bảo vệ;

II. Nội dung:

Căn cứ Quyết định số:09/QĐ-THCSBK ngày 11 tháng 01 năm 2024 của trường THCS Bình Khê về việc công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023;

Thời gian niêm yết, kết thúc: Từ ngày 12/01/2024 kết thúc ngày 12/02/2024 (trong vòng 30 ngày liên tục).

Đến nay đã hết thời gian công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023. Trong quá trình công khai không có ý kiến và kiến nghị thắc mắc gì.

Nay chúng tôi lập biên bản kết thúc công khai, để kết thúc việc công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023.

Biên bản kết thúc lúc 11 giờ 0 phút cùng ngày, được thông qua cho các thành viên tham gia cùng nghe và thông nhất nội dung biên bản.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



Bùi Thị Thu Tâm

TRƯỞNG BAN TTND

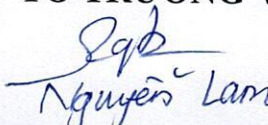


HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh

TỔ TRƯỞNG VP



PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Quang Hưng

NHÂN VIÊN BẢO VỆ



Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Lam

Tạ Minh Trường

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Đức

NHÂN VIÊN TBT



Nguyễn Thị Thủy



Số: /TB-THCSBK

Bình Khê, ngày 12 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO

Tổ chức kết thúc niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023

Căn cứ luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 /12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của nghị định 151 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ biên bản kết thúc công khai ngày 11/02/2024 của Trường THCS Bình Khê về tổ chức kết thúc niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023.

Trường THCS Bình Khê tiến hành họp niêm yết công khai và kết thúc niêm yết công khai Quyết định số 07/QĐ-THCSBK ngày 11/01/2024 Về việc công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2023;

- Hình thức công khai: Tổ chức dán niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 tại bảng tin của trường, trang thông tin điện tử, tại Hội đồng giáo dục, cuộc họp CB, GV, NV;

- Thời gian niêm yết, kết thúc: Từ ngày 12/01/2024 kết thúc ngày 12/02/2024 (trong vòng 30 ngày liên tục).

Trên đây là Thông báo niêm yết công khai và kết thúc niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 của trường THCS Bình Khê./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan Anh

Số: 23/BC-THCSBK

Bình Khê, ngày 17 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Tình hình triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND thị xã:

Nhà trường đã triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp về việc quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể như:

- + Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH ngày 21/6/2017;
 - + Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;
 - + Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;
 - + Quyết định 50/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;
 - + Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ tài chính Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
 - + Nghị quyết 62/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;
 - + Quyết định số 23a/2021/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 Quyết định của UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng và tỉ lệ hao mòn tài sản vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của Tỉnh Quảng Ninh;
- Căn cứ Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21/06/2021 về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- + Hướng dẫn 3606/SGD&ĐT-KHTC ngày 14/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, thiết bị;

+ Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ tài chính Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính tài sản phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

+ Công văn số 2348/SGD&ĐT-KHTC ngày 28/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công;

+ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 22/2/2023 của UBND thị xã Đông Triều Quyết định ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của UBND thị xã Đông Triều;

+ Công văn số 1372/PGD&ĐT ngày 29/8/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công;

+ Công văn số 1373/PGD&ĐT ngày 29/8/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thanh lý tài sản công, công cụ, dụng cụ, thiết bị chuyên môn.

- Trường THCS Bình Khê thực hiện mua sắm theo đúng tiêu chuẩn, định mức, dự toán được giao, trình tự thủ tục mua sắm tài sản được công khai, minh bạch theo quy định tại Mục 2 Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quản lý nhà nước về tài sản công được thực hiện thống nhất, có sự phân công, phân cấp rõ thẩm quyền cũng như trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc quản lý và sử dụng tài sản công. Trình tự, thủ tục mua sắm, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản thực hiện theo đúng thẩm quyền đã được phân cấp được quy định tại Nghị quyết số 118/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp có thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

- Tài sản công tại đơn vị được hạch toán đầy đủ và giá trị, báo cáo quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Trường THCS Bình Khê quản lý, sử dụng tài sản công đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản từng đơn vị đúng mục đích, hiệu quả.

- Việc đầu tư mua sắm tài sản công theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và luật đấu thầu, thực hiện công khai minh bạch trong đấu thầu góp phần chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1.2. Tình hình ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của các cấp để ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại nhà trường và có bổ sung, thay thế các nội dung mới theo từng năm dương lịch; tiến hành công khai trên bảng tin,

trên trang Webs của nhà trường và thông qua các cuộc họp hội đồng, hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động hằng năm.

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 nhà trường đã ban hành quy chế cụ thể:

Năm 2023: Trường THCS Bình Khê đã xây dựng Quyết định số 10/QĐ-THCSBK ngày 12/01/2023 về ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài năm 2023.

+ Tổ chức việc công khai tài sản: Công khai tài sản công theo Quyết định số 31/QĐ-THCSBK ngày 12/01/2023, Thông báo công khai số 33/TB-THCSBK ngày 12/01/2023, Biên bản công khai ngày 12/01/2023, Biên bản kết thúc công khai ngày 12/02/2023; Công khai quy chế quản lý và sử dụng tài sản công theo thông báo công khai số 68/TB-THCSBK ngày 12/01/2023, biên bản công khai quy chế TS công ngày 12/01/2023, Biên bản kết thúc công khai ngày 12/02/2023.

- Nhà trường đã quản lý và sử dụng tài sản công đúng mục đích, phát huy công năng của tài sản, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không sử dụng tài sản công vào mục đích cá nhân, không cho thuê hoặc thực hiện các hoạt động kinh doanh khác.

- Hàng năm nhà trường đã tiến hành rà soát, kiểm kê, đánh giá thực trạng tài sản để có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy định của pháp luật. Tổ chức hạch toán, tính khấu hao cho từng loại tài sản, theo dõi thời gian sử dụng của các loại tài sản công theo đúng quy định.

2. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại nhà trường

2.1. Việc chấp hành, triển khai thực hiện một số quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất:

- Số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý: 01 cơ sở. Trong đó:

+ Thuộc đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ): 0 cơ sở

+ Không thuộc đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ): 01 cơ sở

- Số cơ sở nhà đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0 cơ sở

- Số cơ sở nhà đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0 cơ sở

2.2. Sự phù hợp của hiện trạng sử dụng tài sản với mục đích được giao, đầu tư, xây dựng, mua sắm:

- Diện tích sử dụng: Trường có tổng diện tích 11,412,7 m² tại thôn Trại Mới A, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Mục đích sử dụng: Dùng làm trụ sở làm việc.

- Việc sử dụng tài sản chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức.

+ Việc mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng và công tác quản lý của đơn vị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, luật đấu

thầu; thực hiện công khai minh bạch góp phần phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Công tác bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật: Hàng năm nhà trường cho kiểm kê tài sản công, đánh giá hiện trạng của tài sản và xây dựng kế hoạch cho sửa chữa nhỏ và bảo dưỡng tài sản công.

- Số lượng tài sản chuyên dùng hiện có: 160

2.3. Việc tuân thủ quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

- Đơn vị không có tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên kết

2.4. Việc tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm kê, kê khai, báo cáo để đăng nhập thông tin về tài sản công vào phần mềm Quản lý, sử dụng tài sản công:

- Danh sách số lượng tài sản đã báo cáo, kiểm kê: Số tài sản, máy móc, trang thiết bị đã được kê khai, báo cáo trên phần mềm quản lý tài sản đến ngày 31/8/2023 là: 106 tài sản.

2.5. Việc hạch toán, kế toán tài sản công:

- Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất và hạch toán giá trị tài sản là nhà, đất vào sổ sách kế toán theo quy định tại Chương XI Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ: Nhà trường đã thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất theo Quyết định 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2023 để tính vào giá trị tài sản của đơn vị. Giá trị đất sau khi điều chỉnh: 2.854.601.588 đ

- Tổng số diện tích đất và nhà cửa, vật kiến trúc khác của nhà trường quản lý như sau:

+Đất : 11.412,7 m² với tổng nguyên giá tính đến 31/12//2023: 2.854.601.588 đ giá trị còn lại: 2.854.601.588. (Có kèm biểu chi tiết mẫu số 01)

+ Nhà cửa vật kiến trúc với tổng nguyên giá tính đến 30/12/2023: 5.075.300.000 đ giá trị còn lại: 3.160.008.052đ (Có kèm biểu chi tiết mẫu số 01)

- Tổng số tài sản cố định khác với tổng nguyên giá tính đến 31/12/2023:

1.987.799.417đ giá trị còn lại: 475.178.973đ (Có kèm biểu chi tiết mẫu số 02)

- Tổng số tài sản tăng giảm tính đến 31/12/2023 (Có kèm biểu chi tiết mẫu số 03).

- Các tài sản công (Nhà, máy móc, thiết bị) được nhà trường thống kê, hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị.

- Việc bàn giao, theo dõi tài sản hình thành qua đầu tư:

+ Sau khi tài sản được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, đơn vị căn cứ vào giá trị công trình biên bản bàn giao tài sản để ghi tăng tài sản của đơn vị.

+ Sau khi có Quyết định phê duyệt dự án công trình hoàn thành đơn vị thực hiện điều chỉnh, đánh giá lại tài sản (tăng/giảm) theo quyết định.

- Việc tính hao mòn tài sản: Việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định hàng năm theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (*Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ tài chính Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại tại cơ quan, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính tài thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có hiệu lực kể từ năm 2023 thay thế thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018*).

+ Việc tính hao mòn tài sản cố định thực hiện mỗi năm 01 lần vào tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán. Phạm vi tài sản cố định phải tính hao mòn là tất cả tài sản cố định hiện có quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tính hao mòn.

+ Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Kết quả thực hiện xử lý/kiến nghị kết luận của Thanh tra, kiểm tra về tài sản công

- Việc thực hiện các kiến nghị, kết luận qua hoạt động thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng trụ sở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tài sản kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo, trang thiết bị được giao: Nhà trường thực hiện việc khắc phục những tồn tại được chỉ ra tại các cuộc kiểm tra chuyên đề của phòng Giáo dục, các cuộc kiểm tra cơ sở vật, trang thiết bị dạy học của Sở giáo dục và UBND thị xã.

- Công tác thanh tra kiểm tra hàng năm của đơn vị được cấp trên hướng dẫn các văn bản cụ thể để làm tốt quy trình công tác quản lý sử dụng tài sản công

4. Đánh giá chung

4.1. Công tác quản lý tài sản, sử dụng tài sản của nhà nước:

- Việc quản lý, bảo quản sử dụng tài sản công được nhà trường thực hiện nghiêm túc theo các quy định của các cấp.

- Hệ thống tài sản, công cụ dụng cụ đều được cập nhật, theo dõi trên hệ thống phần mềm tài sản, sổ sách kế toán. Các tài sản công như tài sản cố định, công cụ dụng cụ đều được sử dụng đúng mục đích, giao cho từng cá nhân, bộ phận trong nhà trường quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm với tài sản được giao.

4.2. Đánh giá những mặt tích cực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài sản của các cơ quan, đơn vị:

* *Tồn tại, khó khăn, vướng mắc:*

- Công tác bảo quản lưu trữ hồ sơ, quy trình thực hiện về bảo quản, sử dụng tài sản đôi lúc chưa kịp thời.
- Việc cập nhật theo dõi của một số tài sản trong nhà trường chưa được kịp thời.
- Còn một số tài sản không có hồ sơ bàn giao nên mới chỉ theo dõi hiện vật, chưa có giá trị nên không nhập được phần mềm quản lý tài sản.
- Một số tài sản đã hết khấu hao, hỏng chưa được thanh lý kịp thời.
- Khu sân thể chất không nằm trong khuôn viên trường và chưa được cấp sổ đỏ.

** Nguyên nhân:*

- Nguyên nhân khách quan:
 - + Hệ thống văn bản pháp quy về quản lý tài sản công chưa được đồng bộ và chưa được thể chế hóa một cách cụ thể.
- Nguyên nhân chủ quan:
 - + Do chuyên môn chưa chuyên sâu trú trọng về công tác quản lý và sử dụng tài sản, thiết bị chung phục vụ công tác chuyên môn.
 - + Do quá trình luân chuyển cán bộ, bộ phận tiếp nhận không được bàn giao cụ thể từng tài sản, nội dung, bộ phận kế toán cũ chưa cập nhật kịp thời số lượng tài sản, công tác bàn giao chưa đầy đủ, chi tiết.

** Giải pháp thực hiện trong thời gian tới:*

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế được chỉ ra sau kiểm tra, giám sát. Thường xuyên cập nhật những văn bản chỉ đạo mới để có điều chỉnh kịp thời trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại nhà trường.
- Tăng cường sự quản lý nhằm đảm bảo sử dụng có hiệu quả tài sản hiện có cũng như bảo quản, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nhằm kịp thời phục vụ công tác chuyên môn dạy học, tránh thất thoát, lãng phí tài sản của nhà trường.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc quản lý, sử dụng tài sản công. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng tài sản công trong nhà trường.
- Chỉ đạo bộ phận kế toán nhập tăng theo dõi tài sản năm 2023, lập hồ sơ thanh lý các tài sản hỏng không sử dụng được, hủy tài sản không thể sử dụng cụ (thời gian thanh lý cuối năm 2024)
- Chỉ đạo các bộ phận liên quan, bám sát các hướng dẫn của các cấp hoàn thành công tác thanh lý tài sản hỏng, hết khấu hao tại nhà trường trong năm 2023.
- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác công khai, báo cáo, kiểm kê tài sản công hàng năm để có biện pháp bổ sung, sửa chữa tài sản công phù hợp, sát thực tế và đúng quy định.

5. Kiến nghị, đề xuất, giải pháp khắc phục

- UBND phường và các cơ quan chức năng hướng dẫn và cấp sổ đỏ đất khu sân thể chất cho nhà trường.

- Cần tiếp tục tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ, các bộ phận làm công tác quản lý tài sản, thiết bị để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại nhà trường.

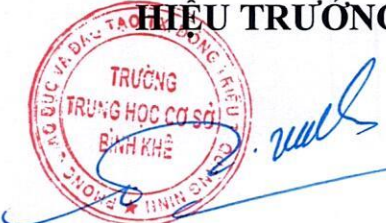
- Đề nghị tiếp tục chỉ đạo nâng cấp và hoàn thiện đồng bộ phần mềm quản lý tài sản sao cho phù hợp và đồng bộ dữ liệu để các đơn vị cập nhật báo cáo kịp thời.

- Hỗ trợ, hướng dẫn nhà trường trong công tác tổ chức thanh lý các tài sản hết khấu hao, hỏng không sử dụng nữa.

Trên đây là Báo cáo việc chấp hành các quy định trong quản lý và sử dụng tài sản công giai đoạn từ 31/12/2023 của trường THCS Bình Khê./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính-Kế hoạch;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Lan Anh



SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2023

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Hao mòn tài sản cố định				Ghi giảm tài sản cố định			Giá trị còn lại
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	HM năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Lũy kế hao mòn đến khi ghi giảm TSCĐ	Lý do ghi giảm TSCĐ	Số lượng	Giá trị ghi giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ %	HM năm Số tiền						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Loại tài sản: Cấp III														
	Nhà học cao tầng cũ (663 m2)	1997	1997	NH	1	470.400.000	4,00 %		470.400.000	470.400.000				
	Nhà học cao tầng mới (332m2)	2006	2006	NH1	1	540.000.000	4,00 %		145.800.000	145.800.000				394.200.000
	Nhà lớp học bộ môn + nhà cầu (572m2)	2017	2018	Nhà	1	3.203.482.000	4,00 %		640.696.400	640.696.400				2.562.785.600
	Cộng				3	4.213.882.000			1.256.896.400	1.256.896.400				2.956.985.600
Loại tài sản: Cấp IV														
	Nhà bảo vệ	2015	2007	Nhà BV	1	15.000.000	6,67 %		15.000.000	15.000.000				
	Nhà để xe giáo viên	2008	2008	Nhà xe 2	1	45.761.000	6,67 %		45.761.000	45.761.000				
	Nhà hiệu bộ (120m2)	2003	2003	NHB	1	109.000.000	6,67 %		109.000.000	109.000.000				
	Nhà máy bằng	1995	1995	NhàMB	1	80.000.000	6,67 %		80.000.000	80.000.000		1		
	Nhà thiết bị		1995	187	1	100.000.000	6,67 %		100.000.000	100.000.000				
	Nhà vệ sinh giáo viên	2010	2010	Nhà VS1	1	35.000.000	6,67 %		30.348.500	30.348.500				4.651.500
	Nhà vệ sinh học sinh	2009	2009	Nhà VS	1	227.657.900	6,67 %		212.586.948	212.586.948				15.070.952

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Hao mòn tài sản cố định				Ghi giảm tài sản cố định			Giá trị còn lại
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	HM năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Lũy kế hao mòn đến khi ghi giảm TSCĐ	Lý do ghi giảm TSCĐ	Số lượng	Giá trị ghi giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ %	HM năm Số tiền						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Nhà xe học sinh	2019	2019	082	1	250.000.000	6,67 %		66.700.000	66.700.000				183.300.000
	Cộng				8	862.418.900			659.396.448	659.396.448		1		203.022.452
Loại tài sản: Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi														
	Bể bơi	2016	2016	197	1	278.120.000	5,00 %		97.342.000	97.342.000				180.778.000
	Cộng				1	278.120.000			97.342.000	97.342.000				180.778.000
Loại tài sản: Các vật kiến trúc khác														
	Biểu trưng logo	2011	2011	043	1	32.500.000	10,00 %		32.500.000	32.500.000				
	Bồn hoa xây xanh	2015	2015	107.07	1	54.259.000	10,00 %		27.129.500	27.129.500				27.129.500
	Đường bê tông	2008	2008	017	1	91.821.000	10,00 %		91.821.000	91.821.000				
	Cộng				3	178.580.000			151.450.500	151.450.500				27.129.500
Loại tài sản: Máy vi tính để bàn														
	Máy tính để bàn	2014	2014	20101.20	3	29.436.000	20,00 %		29.436.000	29.436.000				
	Máy tính để bàn HP	2015	2015	20101.22	1	18.600.000	20,00 %		18.600.000	18.600.000				
	Máy tính để bàn HP	2015	2015	20101.23	1	18.600.000	20,00 %		18.600.000	18.600.000				
	Máy tính để bàn HP	2015	2015	20101.24	1	18.800.000	20,00 %		18.800.000	18.800.000				
	Máy tính để bàn HP.	2014	2014	20101.21	1	19.888.000	20,00 %		19.888.000	19.888.000				
	Cộng				7	105.324.000			105.324.000	105.324.000				
Loại tài sản: Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)														
	Máy tính sách tay ASUS	2016	2016	20101.01-2016	1	12.980.000	20,00 %		12.980.000	12.980.000				
	Máy tính sách tay ASUS	2016	2016	20101.02-2016	1	12.980.000	20,00 %		12.980.000	12.980.000				

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Hao mòn tài sản cố định				Ghi giảm tài sản cố định			Giá trị còn lại
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	HM năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Lũy kế hao mòn đến khi ghi giảm TSCĐ	Lý do ghi giảm TSCĐ	Số lượng	Giá trị ghi giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ %	HM năm Số tiền						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Máy tính xách tay ASUS	2016	2016	20101.03-2016	1	12.980.000	20,00 %		12.980.000	12.980.000				
	Máy tính xách tay	2008	2008	006	1	22.900.000	20,00 %		22.900.000	22.900.000				
	Máy tính xách tay	2008	2008	007	1	19.600.000	20,00 %		19.600.000	19.600.000				
	Máy tính xách tay	2019	2019	191	1	17.684.551	20,00 %		14.147.640	14.147.640				3.536.911
	Máy tính xách tay SONY	2013	2013	004	1	20.845.000	20,00 %		20.845.000	20.845.000				
	Máy tính xách tay SONY	2013	2013	0041	1	20.845.000	20,00 %		20.845.000	20.845.000				
	Máy tính xách tay SONY	2010	2010	019	1	24.500.000	20,00 %		24.500.000	24.500.000				
	Cộng				9	165.314.551			161.777.640	161.777.640				3.536.911
Loại tài sản: Bộ bàn ghế họp														
	Bàn học sinh phòng học bộ môn		2018	063	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn		2018	064	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn		2018	065	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn		2018	066	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn		2018	067	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn		2018	068	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn		2018	069	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn		2018	070	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn Vật lý - Công nghệ		2018	128	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Hao mòn tài sản cố định				Ghi giảm tài sản cố định			Giá trị còn lại
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	HM năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Lũy kế hao mòn đến khi ghi giảm TSCĐ	Lý do ghi giảm TSCĐ	Số lượng	Giá trị ghi giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ %	HM năm Số tiền						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Bàn học sinh phòng học bộ môn Vật lý - Công nghệ		2018	129	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn Vật lý - Công nghệ		2018	130	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn Vật lý - Công nghệ		2018	131	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn Vật lý - Công nghệ		2018	132	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn Vật lý - Công nghệ		2018	133	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn Vật lý - Công nghệ		2018	134	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Bàn học sinh phòng học bộ môn Vật lý - Công nghệ		2018	135	1	10.870.000	12,50 %		6.793.750	6.793.750				4.076.250
	Cộng				16	173.920.000			108.700.000	108.700.000				65.220.000
Loại tài sản: Máy điều hòa không khí														
	Điều hòa	2019	2019	Điều hòa	1	13.290.000	12,50 %		6.645.000	6.645.000				6.645.000
	Điều hòa Daikin - 9000 BTU	2017	2018	198	1	12.760.000	12,50 %			7.975.000				4.785.000
	Điều hòa panasonic - 9000BTU	2017	2018	199	1	12.760.000	12,50 %			7.975.000				4.785.000
	Điều hòa Panasonic-12000BTU		2018	201	1	14.080.000	12,50 %			8.800.000				5.280.000
	Điều hòa Panasonic-12000BTU		2018	200	1	14.080.000	12,50 %			8.800.000				5.280.000
	Cộng				5	66.970.000			6.645.000	40.195.000				26.775.000
Loại tài sản: Máy chiếu														
	Máy chiếu đa năng Panasonic		2016	20106.08	1	19.250.000	20,00 %		9.625.000	9.625.000				9.625.000
	Máy chiếu đa năng Panasonic		2016	20106.09	1	19.250.000	20,00 %		9.625.000	9.625.000				9.625.000

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Hao mòn tài sản cố định				Ghi giảm tài sản cố định			Giá trị còn lại
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	HM năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Lũy kế hao mòn đến khi ghi giảm TSCĐ	Lý do ghi giảm TSCĐ	Số lượng	Giá trị ghi giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ %	HM năm Số tiền						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Máy chiếu đa năng Panasonic		2016	201106.06	1	19.635.000	20,00 %		9.817.500	9.817.500				9.817.500
	Máy chiếu đa năng Panasonic		2016	201106.07	1	19.635.000	20,00 %		9.817.500	9.817.500				9.817.500
	máy chiếu Hitachi	2019	2019	MC Hitachi1	1	17.500.000	20,00 %		14.000.000	14.000.000				3.500.000
	máy chiếu Hitachi	2019	2019	MC Hitachi2	1	17.500.000	20,00 %		14.000.000	14.000.000				3.500.000
	Máy chiếu HP		2013	201106.02	1	22.770.000	20,00 %		22.770.000	22.770.000				
	Máy chiếu Maxell	2019	2019	MC Maxell	1	19.050.000	20,00 %		15.240.000	15.240.000				3.810.000
	Máy chiếu PANASONIC		2008	201106.03	1	18.000.000	20,00 %		18.000.000	18.000.000				
	Máy chiếu siêu gần tích hợp tương tác (Sờ cập)	2019	2019	189	1	53.710.427	20,00 %		42.968.340	42.968.340				10.742.087
	Máy chiếu SONY		2010	201106.01	1	23.000.000	20,00 %		23.000.000	23.000.000				
	Máy chiếu SONY		2008	201106.04	1	25.000.000	20,00 %		25.000.000	25.000.000				
	Máy chiếu SONY		2008	201106.05	1	25.000.000	20,00 %		25.000.000	25.000.000				
	Máy chiếu vật thể - nhận diện hình ảnh EARZONE	2019	2019	193	1	13.035.942	20,00 %		10.428.752	10.428.752				2.607.190
	Cộng				14	312.336.369			249.292.092	249.292.092				63.044.277
Loại tài sản: Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác														
	Màn hình hiển thị Nashinal 65 inch	2022	2023	194	1	16.600.000	20,00 %							16.600.000
	Màn hình hiển thị Nashinal 65 inch	2022	2023	195	1	16.600.000	20,00 %							16.600.000
	Màn hình hiển thị Nashinal 65 inch	2022	2023	196	1	16.600.000	20,00 %							16.600.000

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Hao mòn tài sản cố định				Ghi giảm tài sản cố định			Giá trị còn lại
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	HM năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Lũy kế hao mòn đến khi ghi giảm TSCĐ	Lý do ghi giảm TSCĐ	Số lượng	Giá trị ghi giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ %	HM năm Số tiền						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Ti vi cường lực Sam sung 50in	2018	2018	207	1	17.800.000	20,00 %			17.800.000				
	Ti vi cường lực Sam sung 50in	2018	2018	208	1	17.800.000	20,00 %			17.800.000				
	Ti vi cường lực Sam sung 50in	2018	2018	209	1	17.800.000	20,00 %			17.800.000				
	Cộng				6	103.200.000				53.400.000				49.800.000
Loại tài sản: Thiết bị âm thanh														
	Loa kéo	2020	2020	081	1	12.500.000	20,00 %		7.500.000	7.500.000				5.000.000
	Cộng				1	12.500.000			7.500.000	7.500.000				5.000.000
Loại tài sản: Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo														
	Bảng trắng - Bảng trượt	2019	2019	190	1	11.363.515	10,00 %		4.545.408	4.545.408				6.818.107
	Cộng				1	11.363.515			4.545.408	4.545.408				6.818.107
Loại tài sản: Máy móc, thiết bị khác														
	Bảng tương tác thông minh	2011	2011	037	1	30.000.000	12,50 %		30.000.000	30.000.000				
	Bục giảng thông minh	2014	2014	015	1	24.000.000	12,50 %		24.000.000	24.000.000				
	Máy ảnh KTS Sony	2016	2016	20119.01-2016	1	12.507.000	12,50 %		6.253.500	6.253.500				6.253.500
	Máy tính bảng	2014	2014	001	20	76.000.000	12,50 %		76.000.000	76.000.000				
	Thiết bị âm thanh	2013	2013	008	1	20.000.000	12,50 %		20.000.000	20.000.000				
	Trung tâm điều khiển phòng thí nghiệm môn Vật lý- Công nghệ	2018	2018	127	1	14.500.000	12,50 %		9.062.500	9.062.500				5.437.500
	Cộng				25	177.007.000			165.316.000	165.316.000				11.691.000

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Hao mòn tài sản cố định				Ghi giảm tài sản cố định			Giá trị còn lại
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	HM năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Lũy kế hao mòn đến khi ghi giảm TSCĐ	Lý do ghi giảm TSCĐ	Số lượng	Giá trị ghi giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ %	HM năm Số tiền						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Loại tài sản: Phần mềm chuyên ngành Giáo dục đào tạo (bao gồm các loại phần mềm như: phần mềm dạy học, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý nghiệp vụ trường học, ...)														
	Phần mềm cho học sinh	2014	2014	002	20	8.400.000	20,00 %		5.040.000	5.040.000				3.360.000
	Phần mềm QLTS		2014	028	1	9.000.000	20,00 %		5.400.000	5.400.000				3.600.000
	Phần mềm quản lý ngân sách	2021	2021	01/2021	1	16.000.000	20,00 %		16.000.000	16.000.000				
	Phần mềm quản lý thiết bị dạy học (sở cấp)	2020	2020	188	1	7.063.067	20,00 %		4.237.839	4.237.839				2.825.228
	Phần mềm tạo bài giảng AP-E-Learning	2015	2015	091	1	12.000.000	20,00 %		2.400.000	2.400.000				9.600.000
	Cộng				24	52.463.067			33.077.839	33.077.839				19.385.228
Loại tài sản: Quyền sử dụng đất														
	Đất trường học	2006	2006	Đất	1	2.854.601.588								2.854.601.588
	Cộng				1	2.854.601.588								2.854.601.588
Loại tài sản: Máy vi tính để bàn														
	Máy tính để bàn	2015	2015	20101.27	1	6.748.500	20,00 %		6.748.500	6.748.500				
	Máy tính Đông Nam Á	2020	2020	083	1	9.350.000	20,00 %		5.610.000	5.610.000				3.740.000
	Máy tính Đông Nam Á	2020	2020	084	1	9.350.000	20,00 %		5.610.000	5.610.000				3.740.000
	Máy tính Đông Nam Á	2020	2020	085	1	9.350.000	20,00 %		5.610.000	5.610.000				3.740.000
	Máy tính Đông Nam Á	2020	2020	086	1	9.350.000	20,00 %		5.610.000	5.610.000				3.740.000
	Máy tính để bàn	2013	2013	005	1	7.356.250	20,00 %		7.356.250	7.356.250				
	Máy tính để bàn	2013	2013	0051	1	7.356.250	20,00 %		7.356.250	7.356.250				
	Máy tính để bàn	2013	2013	0052	1	7.356.250	20,00 %		7.356.250	7.356.250				
	Máy tính để bàn	2013	2013	0053	1	7.356.250	20,00 %		7.356.250	7.356.250				

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Hao mòn tài sản cố định				Ghi giảm tài sản cố định			Giá trị còn lại
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	HM năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Lũy kế hao mòn đến khi ghi giảm TSCĐ	Lý do ghi giảm TSCĐ	Số lượng	Giá trị ghi giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ %	HM năm Số tiền						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Máy tính để bàn	2012	2012	0201	1	8.768.000	20,00 %		8.768.000	8.768.000				
	Máy tính để bàn	2012	2012	021	1	9.097.000	20,00 %		9.097.000	9.097.000				
	Máy tính để bàn	2012	2012	0211	1	9.097.000	20,00 %		9.097.000	9.097.000				
	Máy tính để bàn	2012	2012	0212	1	9.097.000	20,00 %		9.097.000	9.097.000				
	Máy tính để bàn	2012	2012	0213	1	9.097.000	20,00 %		9.097.000	9.097.000				
	Máy tính để bàn	2012	2012	0214	1	9.097.000	20,00 %		9.097.000	9.097.000				
	Máy tính để bàn	2009	2009	023	1	9.300.000	20,00 %		9.300.000	9.300.000				
	Máy tính để bàn	2009	2009	0231	1	9.300.000	20,00 %		9.300.000	9.300.000				
	Máy tính để bàn	2009	2009	024	1	6.500.000	20,00 %		6.500.000	6.500.000				
	Máy tính để bàn	2015	2015	20101.26	1	6.748.500	20,00 %		6.748.500	6.748.500				
	Máy tính để bàn	2016	2016	20101.28	1	6.748.500	20,00 %		6.748.500	6.748.500				
	Máy tính để bàn	2016	2016	20101.29	1	6.748.500	20,00 %		6.748.500	6.748.500				
	Máy tính để bàn	2016	2016	20101.30	1	6.748.500	20,00 %		6.748.500	6.748.500				
	Máy tính để bàn	2016	2016	20101.31	1	6.748.500	20,00 %		6.748.500	6.748.500				
	Cộng				23	186.669.000			171.709.000	171.709.000				14.960.000
Loại tài sản: Máy vi tính xách tay														
	Máy tính để bàn	2012	2012	020	1	8.768.000	20,00 %		8.768.000	8.768.000				
	máy tính xách tay	2015	2015	080	1	6.748.500	20,00 %		6.748.500	6.748.500				
	Cộng				2	15.516.500			15.516.500	15.516.500				

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Hao mòn tài sản cố định				Ghi giảm tài sản cố định			Giá trị còn lại
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	HM năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Lũy kế hao mòn đến khi ghi giảm TSCĐ	Lý do ghi giảm TSCĐ	Số lượng	Giá trị ghi giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ %	HM năm Số tiền						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Loại tài sản: Máy in														
	Máy in đa năng	2013	2013	022	1	9.845.000	20,00 %		9.845.000	9.845.000				
	Máy in HP 1020	2008	2008	026	1	5.152.000	20,00 %		5.152.000	5.152.000				
	Cộng				2	14.997.000			14.997.000	14.997.000				
Loại tài sản: Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác														
	Bộ thu tín hiệu	2019	2019	192	1	5.204.515	20,00 %		4.163.612	4.163.612				1.040.903
	Cộng				1	5.204.515			4.163.612	4.163.612				1.040.903
Loại tài sản: Máy móc thiết bị khác														
	Đàn organ YAMAHA	2009	2009	034	1	9.890.000	12,50 %		9.890.000	9.890.000				
	Màn chiếu điện	2008	2008	039	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				
	Màn chiếu điện	2008	2008	0391	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				
	Màn chiếu điện	2008	2008	0392	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				
	Màn chiếu điện	2008	2008	0393	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				
	Màn chiếu điện	2009	2009	033	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				
	Màn chiếu điện	2009	2009	0331	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				
	Màn chiếu điện	2009	2009	0332	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				
	Màn chiếu điện	2009	2009	0333	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				
	Màn chiếu điện	2009	2009	0334	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				
	Màn chiếu điện	2009	2009	0335	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				
	Màn chiếu điện	2019	2009	0336	1	6.300.000	12,50 %		6.300.000	6.300.000				

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Hao mòn tài sản cố định				Ghi giảm tài sản cố định			Giá trị còn lại
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	HM năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Lũy kế hao mòn đến khi ghi giảm TSCĐ	Lý do ghi giảm TSCĐ	Số lượng	Giá trị ghi giảm TSCĐ	
							Tỷ lệ %	HM năm Số tiền						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Màn chiếu điện	2010	2010	036	1	6.800.000	12,50 %		6.800.000	6.800.000				
	Máy ảnh SONY 13.6	2008	2008	038	1	9.970.000	12,50 %		9.970.000	9.970.000				
	Máy chiếu vật thể	2014	2014	014	1	6.000.000	12,50 %		6.000.000	6.000.000				
	Máy phát điện	2009	2009	003	1	9.860.000	12,50 %		9.860.000	9.860.000				
	Ổn áp STANDA 10KV	2009	2009	035	1	9.493.000	12,50 %		9.493.000	9.493.000				
	Tủ sạc thiết bị	2014	2014	088	1	6.000.000	12,50 %		6.000.000	6.000.000				
	Cộng				18	127.313.000			127.313.000	127.313.000				
	Tổng cộng				170	9.917.701.005			3.340.962.439	3.427.912.439		1		6.489.788.566

- Sổ này có 10 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 10

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Đức

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Đức

Ngàytháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Lan Anh

Đơn vị chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều

Đơn vị: Trường THCS Bình Khê

Mã QHNS: 1038030

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2023

STT	Tài sản	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
					Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Tài sản cố định hữu hình			99	6.504.056.335	3.529.870.847	156.880.000	69.930.000	80.000.000	
1	Nhà, công trình xây dựng			11	5.076.300.900	3.160.008.052			80.000.000	
1	Cấp III			3	4.213.882.000	2.956.985.600				
2	Cấp IV			8	862.418.900	203.022.452			80.000.000	
2	Vật kiến trúc			4	456.700.000	207.907.500				
1	Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi			1	278.120.000	180.778.000				
2	Các vật kiến trúc khác			3	178.580.000	27.129.500				
5	Máy móc, thiết bị			84	971.055.435	161.955.295	156.880.000	69.930.000		
501	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến			37	457.848.551	75.401.911	53.680.000	20.130.000		
1	Máy vi tính để bàn			7	105.324.000					
2	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)			9	165.314.551	3.536.911				
3	Bộ bàn ghế họp			16	173.920.000	65.220.000				
4	Máy điều hòa không khí			5	13.290.000	6.645.000	53.680.000	20.130.000		
502	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị			21	324.836.369	68.044.277	103.200.000	49.800.000		
1	Máy chiếu			14	312.336.369	63.044.277				
2	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác			6			103.200.000	49.800.000		
3	Thiết bị âm thanh			1	12.500.000	5.000.000				

STT	Tài sản	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
					Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Quyền sử dụng đất			1	2.854.601.588	2.854.601.588				
III	Tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của Bộ, Tỉnh			46	349.700.015	16.000.903				
15	Máy móc, thiết bị văn phòng (có nguyên giá từ 5 triệu đồng đến dưới 10 triệu đồng và thời gian sử dụng 01 năm trở lên)			28	222.387.015	16.000.903				
1	Máy vi tính để bàn			23	186.669.000	14.960.000				
2	Máy vi tính xách tay			2	15.516.500					
3	Máy in			2	14.997.000					
4	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác			1	5.204.515	1.040.903				
17	Máy móc thiết bị chuyên dùng			18	127.313.000					
1	Máy móc thiết bị khác			18	127.313.000					
	Tổng cộng			170	9.760.821.005	6.419.858.566	156.880.000	69.930.000	80.000.000	

- Sổ này có 2 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 2

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Đức

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Đức